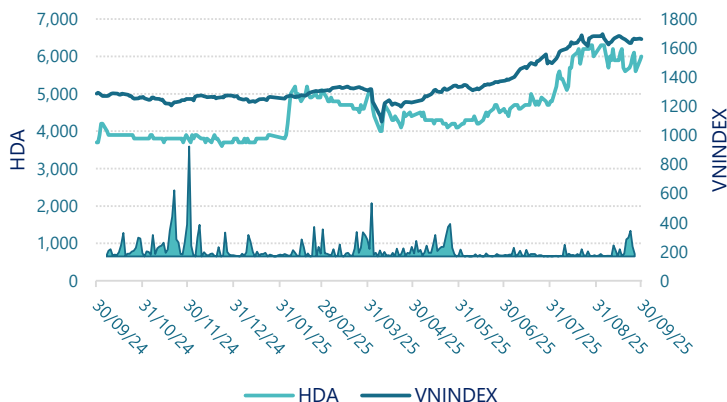


CTCP Hăng Sơn Đông Á (HNX: HDA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	6,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,600
SL cổ phiếu LH	27,599,967
KLGD BQ 20 phiên (CP)	26,410
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	166
P/E	4.1
EPS	1,459

DT thuần

Q3/25

64.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.50 | -9.2%

YoY: ▲14.9 | 30.0%

LN sau thuế

Q3/25

14.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.80 | -5.3%

YoY: ▲13.6 | 1770%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

24.7%

+/- YoY: ▲20.6%

DT thuần

9T 2025

192

tỷ VNĐ

YoY: ▲32.0 | 19.7%

LN sau thuế

9T 2025

31.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲25.5 | 442%

ROE

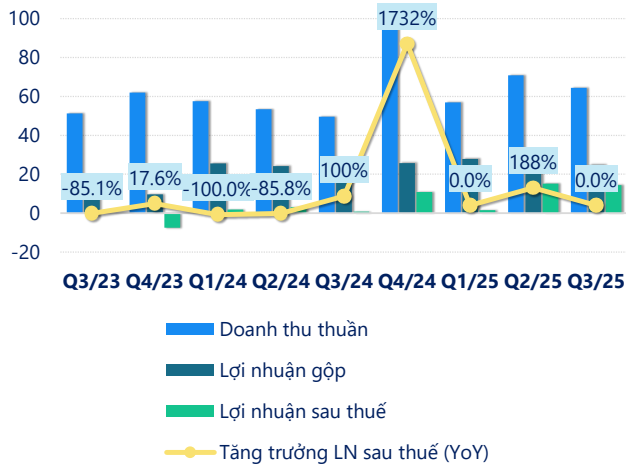
Q3/25

11.6%

+/- YoY: ▲12.1%

tỷ VNĐ

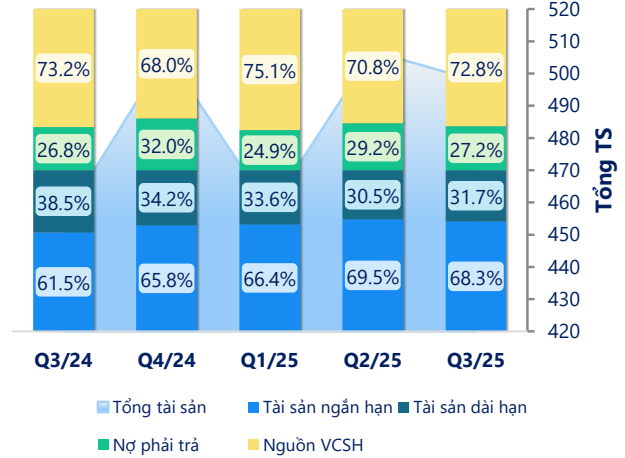
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

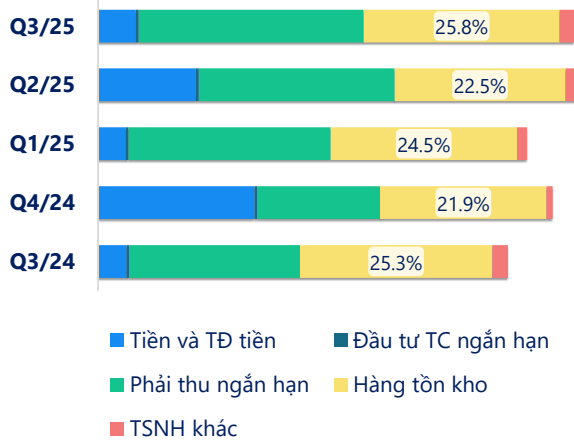
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



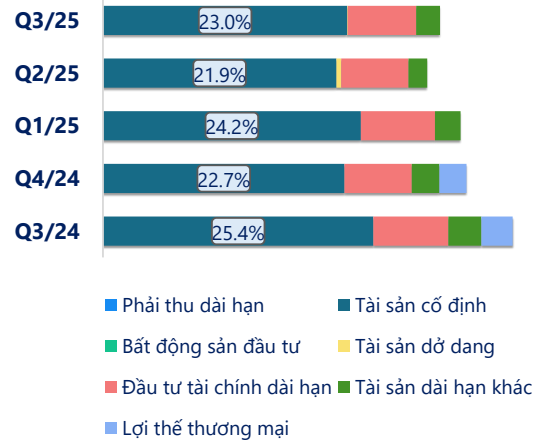
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

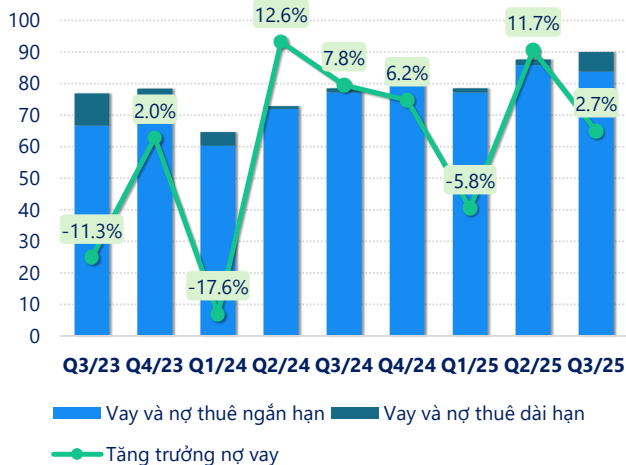
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

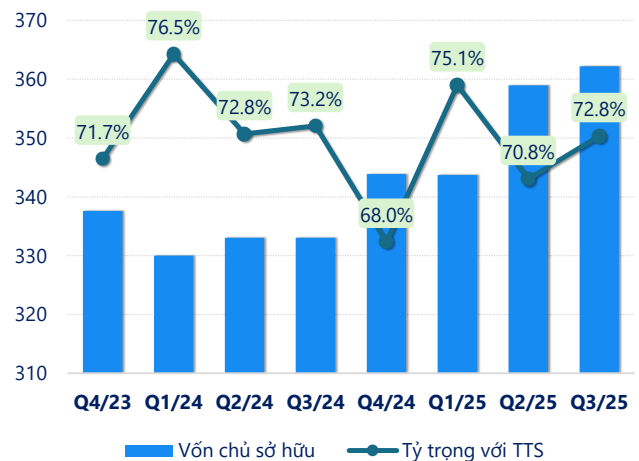
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

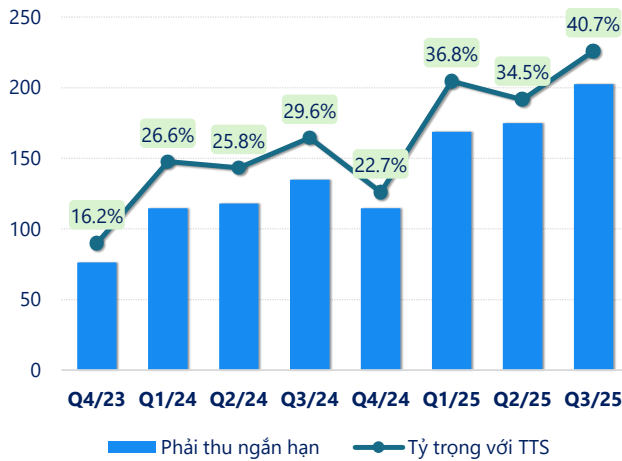
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



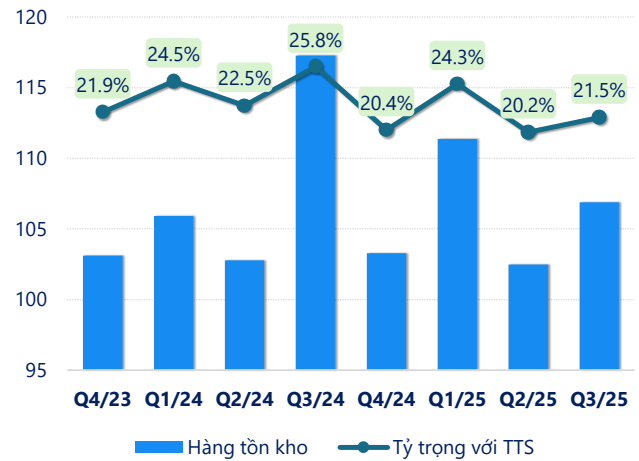
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


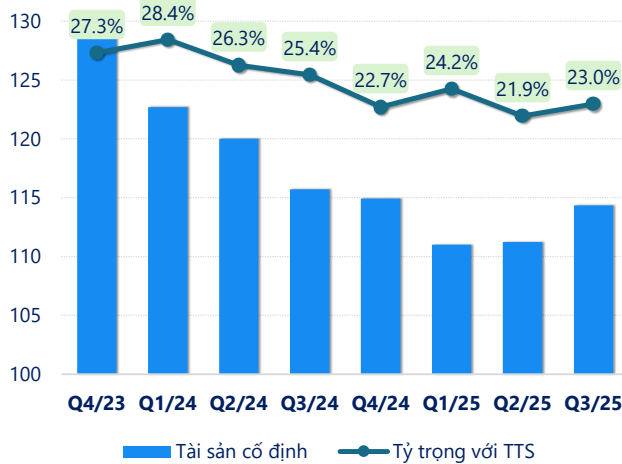
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


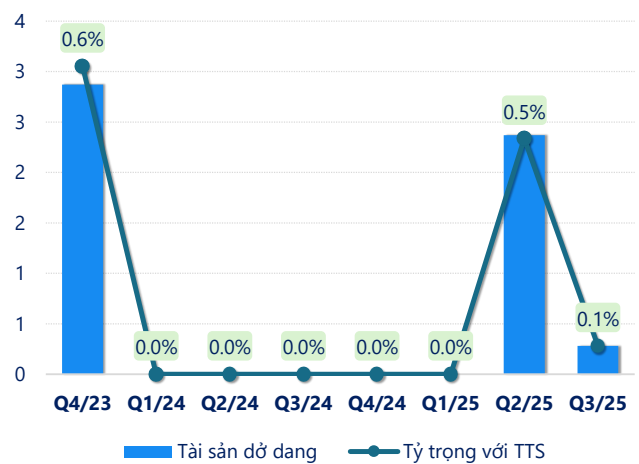
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

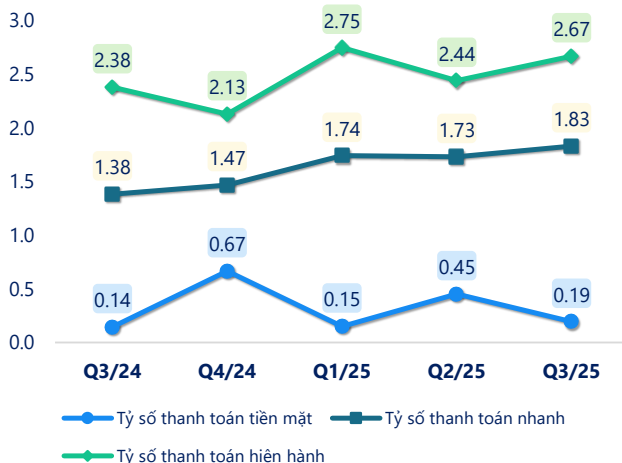
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

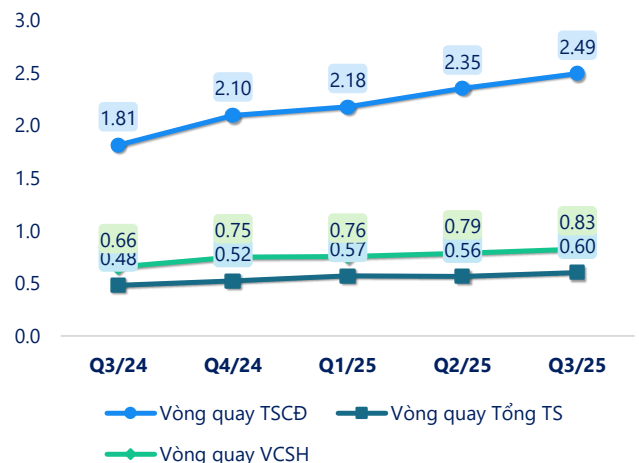
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	455	506	458	507	498
Tài sản ngắn hạn	280	333	304	352	340
Tiền và tương đương tiền	17.0	104	16.6	65.3	24.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.70	1.70	1.70	1.73	1.73
Phải thu ngắn hạn	135	115	169	175	202
Hàng tồn kho	117	103	111	102	107
Tài sản ngắn hạn khác	8.83	9.24	5.52	8.09	4.32
Tài sản dài hạn	175	173	154	155	158
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	116	115	111	111	114
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	2.37	0.28
Đầu tư tài chính dài hạn	32.0	32.0	32.0	32.0	32.0
Tài sản dài hạn khác	14.1	13.2	11.0	8.92	11.1
Lợi thế thương mại	13.5	12.8	0	0	0
Nợ phải trả	122	162	114	148	136
Nợ ngắn hạn	118	157	111	144	127
Vay và nợ thuê ngắn hạn	77.1	80.7	77.1	85.8	83.7
Phải trả người bán ngắn hạn	23.4	45.4	20.6	40.1	28.4
Nợ dài hạn	4.28	5.52	3.56	3.45	8.12
Vay và nợ thuê dài hạn	1.33	2.57	1.33	1.78	6.26
Nguồn vốn chủ sở hữu	333	344	344	359	362
Vốn chủ sở hữu	333	344	344	359	362
Vốn điều lệ	276	276	276	276	276
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)